TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/DS - ST.
Ngày: 22 - 5 - 2025.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Tâm;

2. Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2024/TLST – DS, ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1; địa chỉ: Tòa nhà L, số B đường T, phường T, quận H, Thành Phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Hoàng V, sinh năm 1997 – Chuyên viên khách hàng và ông Huỳnh Minh K, sinh năm 1986 – Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1 – Chi nhánh S; địa chỉ: Số A H, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Có mặt).

Bị đơn: Ông Thạch Thạch Thái N, sinh năm 1995 và bà Lý Thị Thúy N1, sinh năm 1990; cùng đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2024, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 vay vốn tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1 – Phòng G1, địa chỉ: Đường Đ, ấp D, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, theo các khoản vay:

1. Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD57D202200169 ngày 06/09/2022, cụ thể như sau: Số tiền vay: 720.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 57D202200169/01 ngày 15/9/2022, Số tiền nhận nợ: 600.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần. Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô tải (có mui) nhãn hiệu ChengLong phục vụ kinh doanh. Lãi suất cho vay: 10,50%/năm; Lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và Theo khế ước nhận nợ số 57D202200169/02 ngày 16/11/2022 Số tiền nhận nợ: 120.000.000 đồng; thời hạn vay: 58 tháng; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần. Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô tải (có mui) nhãn hiệu ChengLong phục vụ kinh doanh. Lãi suất cho vay: 10,50%/năm; Lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

2. Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD57D202300159 ngày 05/07/2023, cụ thể như sau: Số tiền vay: 400.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 57D202300159/01 ngày 07/7/2023; Số tiền nhận nợ: 400.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Phương thức cho vay: Hạn mức. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán dừa trái. Lãi suất cho vay: 11,20%/năm; Lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm, Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

3. Khoản vay Thẻ tín dụng:

3.1. Khoản vay thẻ tín dụng của bà Lý Thị Thúy N1 bao gồm thẻ tín dụng VISA và thẻ tín dụng JCB liên kết với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất 28%/năm.

3.2. Khoản vay thẻ tín dụng của ông Thạch Thái N bao gồm thẻ tín dụng VISA và thẻ tín dụng JCB liên kết với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất 28%/năm.

4. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên thực hiện theo các hợp đồng thế chấp gồm: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: HDTC57D202200169 ngày 06/9/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC57D202200122 ngày 21/6/2022; Hợp đồng sửa đổi bổ sung cho hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HDTC57D202200122 ngày 21/6/2022, với các tài sản thế chấp là:

+ Xe ô tô tải (có mui) nhãn hiệu ChengLong theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83 000069 do Công an huyện L cấp ngày 10/8/2022, biển số đăng ký: 83H-011.59 cấp cho bà Lý Thị Thúy N1.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1525, tờ bản đồ số 2, diện tích 190,3m^2; tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CU 031394, Số vào sổ cấp GCN: CS02208, cơ quan cấp: Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh S, cấp ngày 05/3/2020 cấp cho ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1 và

phía Ngân hàng cũng đã nhiều lần đến nhà đôn đốc, gửi thông báo nợ quá hạn cũng như lập nhiều biên bản làm việc nhưng khách hàng vẫn không thanh toán nợ.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 phải có nghĩa vụ thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1 các khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng và nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 22/5/2025 là 1.275.636.960 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi đồng), bao gồm:

+ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số: HĐTD57D202300159, ngày 05/07/2023, tính đến ngày 22/5/2025 là: 504.071.550 đồng. Trong đó: Tiền gốc còn phải trả: 400.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 27.707.258 đồng; Lãi quá hạn còn phải trả: 73.574.795 đồng; Lãi chậm trả: 2.789.497 đồng.

+ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD57D202200169, ngày 06/09/2022 số tiền giải ngân 600.000.000 đồng, tính đến ngày 22/5/2025 số tiền còn nợ là 548.119.867 đồng. Trong đó: Tiền gốc còn phải trả: 417.515.998 đồng; Lãi trong hạn còn phải trả: 79.292.991 đồng; Lãi quá hạn còn phải trả: 44.346.756 đồng; Lãi chậm trả: 6.964.122 đồng và số tiền giải ngân 120.000.000 đồng, tính đến ngày 22/5/2025 số tiền còn nợ là 106.160.824 đồng. Trong đó: Tiền gốc còn phải trả: 82.911.956 đồng; Lãi trong hạn còn phải trả: 14.787.852 đồng; Lãi quá hạn còn phải trả: 7.303.200 đồng; Lãi chậm trả: 1.157.816 đồng;

+ Khoản vay thẻ tín dụng của ông Thạch Thái N, ngày 26/07/2022, thẻ Visa tính đến ngày 22/5/2025 là: 48.805.876 đồng. Trong đó tiền gốc là 26.562.588 đồng, lãi trong hạn là 578.262 đồng, lãi quá hạn là 21.665.026 đồng.

+ Khoản vay thẻ tín dụng của ông Thạch Thái N, ngày 26/07/2022, thẻ JCB tính đến ngày 22/5/2025 là: 5.997.624 đồng. Trong đó tiền gốc là 3.329.711 đồng, lãi trong hạn là 351.759 đồng, lãi quá hạn là 2.316.154 đồng.

+ Khoản vay thẻ tín dụng của bà Lý Thị Thúy N1, ngày 03/10/2022, thẻ Visa tính đến ngày 22/5/2025 là: 6.456.409 đồng. Trong đó tiền gốc là 3.469.681 đồng, lãi trong hạn là 376.158 đồng, lãi quá hạn là 2.610.570 đồng.

+ Khoản vay thẻ tín dụng của bà Lý Thị Thúy N1, ngày 03/10/2022, thẻ JCB tính đến ngày 22/5/2025 là: 56.024.809 đồng. Trong đó tiền gốc là 31.085.509 đồng, lãi trong hạn là 782.545 đồng, lãi quá hạn là 24.156.755 đồng.

Kể từ ngày 23/5/2025, ông N và bà N1 còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn trên số dư nợ gốc, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong các Hợp đồng cấp tín dụng, bản các điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1 với ông N và bà N1 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bị đơn ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng và các thẻ tín dụng đã giao kết nêu trên thì Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm theo các các hợp đồng thế chấp mà ông N, bà N1 đã ký kết với Ngân hàng để đảm bảo việc thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán

nghĩa vụ trả nợ của ông N và bà N1. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông N và bà N1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1.

- *Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 trình bày:* Thống nhất với phần trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng về toàn bộ nội dung các hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng và hợp đồng thế chấp tải sản mà ông Thạch Thái N và vợ là bà N1 đã ký kết với Ngân hàng nên không trình bày gì thêm. Ông N và bà N1 thừa nhận đã được N1 hang giải ngân toàn bộ số tiền vay gốc của các khoản vay và thẻ đã ký kết với N1 hang. Thống nhất số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/5/2025 là 1.275.636.957 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng), bao gồm: Khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số HĐTD57D202300159 ngày 05/07/2023, là: 504.071.549 đồng; khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số HDTD57D202200169 ngày 06/09/2022 số tiền giải ngân 600.000.000 đồng số tiền còn nợ là 548.119.867 đồng; khoản nợ Hợp đồng tín dụng số HDTD57D202200169 ngày 06/09/2022 số tiền giải ngân 120.000.000 đồng số tiền còn nợ là 106.160.823 đồng; Khoản vay thẻ tín dụng của ông Thạch Thái N ngày 26/07/2022 thẻ Visa là: 48.805.876 đồng; Khoản vay thẻ tín dụng của ông Thạch Thái N ngày 26/07/2022 thẻ JCB là: 5.997.624 đồng; Khoản vay thẻ tín dụng của bà Lý Thị Thúy N1 ngày 03/10/2022 thẻ Visa là: 6.456.409 đồng; Khoản vay thẻ tín dụng của bà Lý Thị Thúy N1 ngày 03/10/2022 thẻ JCB là 56.024.809 đồng đúng như đại diện N1 hang trình bày. Đối với các khoản nợ nêu là nợ chung của ông, bà vay dùng vào việc phục vụ chi tiêu, sinh hoạt đời sống gia đình nên thì ông N và bà N1 đồng ý có trách nhiệm trả cho của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên không có khả năng trả nợ cho nguyên đơn, việc trả nợ thực hiện ở giai đoạn phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng thế chấp tài sản mà ông, bà đã ký kết với N1 hang để đảm bảo khoản vay, cụ thể là: Xe ô tô tải (có mui) nhãn hiệu ChengLong theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83 000069 do Công an huyện L cấp ngày 10/8/2022, biển số đăng ký: 83H-011.59 cấp cho bà Lý Thị Thúy N1; Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CU 031394, Số vào sổ cấp GCN: CS02208, cơ quan cấp: Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh S, cấp ngày 05/3/2020 cấp cho ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1. Tuy nhiên, hiện nay ông, bà chỉ đang quản lý đối quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; riêng với xe ô tô tải (loại có mui) nhãn hiệu ChengLong, biển kiểm soát 83H-011.59 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83 000069 do Công an huyện L cấp ngày 10/8/2022 do bà Lý Thị Thúy N1 đứng tên thì tôi đã sang bán vào năm 2023 cho H kinh doanh Lý Hậu G do ông Lý C là người đại diện và việc sang bán chỉ trên cơ sở thỏa thuận và lập giấy tay mua bán với nhau.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 122, Điều 129, Điều 131, Điều 280, Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 này 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán nợ gốc, tiền lãi phát sinh chưa thanh toán cho nguyên đơn theo các hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng đã ký kết và giao tài sản thế chấp bảo đảm cho nguyên đơn để xử lý thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn cùng đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng về việc yêu cầu bị đơn ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 hoàn trả tổng số tiền vay gốc các hợp đồng tín dụng và nợ thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 22/5/2025 là 964.875.443 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bị đơn ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 thừa nhận có ký kết với Ngân hàng các hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng và nhận đủ số tiền vay gốc của từng khoản vay và thẻ tín dụng như đại diện nguyên đơn trình bày. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng sau khi vay ông N và bà N1 không thanh toán đúng tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Đối với các khoản nợ nêu là nợ chung của ông, bà vay dùng vào việc phục vụ chi tiêu, sinh hoạt đời sống gia đình nên thì ông N và bà N1 đồng ý có trách nhiệm trả cho của Ngân hàng dư nợ gốc và lãi tính của các khoản vay từ khi vay đến ngày 22/5/2025. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định hiện nay ông N và bà N1 có vay và còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc của các khoản vay gồm: Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HDTD57D202200169 ngày 06/09/2022 với số tiền vay gốc là 720.000.000 đồng; Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HDTD57D202300159 ngày 05/07/2023 với số tiền vay gốc 400.000.000 đồng; Khoản vay thẻ tín dụng của bà Lý Thị Thúy N1 là 50.000.000 đồng và khoản vay thẻ tín dụng của ông Thạch Thái N là 40.000.000 đồng. Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo các hợp đồng và thẻ tín dụng nêu trên thì ông N và bà N1 không thanh toán đầy đủ đúng hạn tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo các

hợp đồng đã ký kết, cụ thể tính đến ngày 08/5/2025 ông N và bà N1 chỉ trả cho nguyên đơn được số tiền gốc của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HDTD57D202200169 ngày 06/09/2022 là 219.572.046 đồng và lãi là 95.942.142 đồng; Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD57D202300159 ngày 05/07/2023 thì không trả gốc mà chỉ trả lãi được số tiền là 25.018.221 đồng thì không trả nữa. Hiện tổng số tiền gốc của các khoản vay và thẻ tín dụng còn nợ là 964.875.443 đồng. Do vậy, việc ông N và bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 5 và Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số HDTD57D202200169 ngày 06/09/2022 và Hợp đồng tín dụng số HDTD57D202300159 ngày 05/07/2023 và vi phạm bản các điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, vi phạm các điều khoản chung mà các bên đã ký kết, ông N và bà N1 là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc Ngân hàng yêu cầu ông N và bà N1 hoàn trả số tiền vay gốc còn lại của các khoản vay là 964.875.443 và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 27 và Đều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về lãi suất theo các hợp đồng được giao kết giữa ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 với Ngân hàng được quy định tại Điều 3 của từng hợp đồng tín dụng và bản các điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD57D202200169, ngày 06/09/2022 thì lãi suất cho vay: 10,50%/năm; Lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD57D202300159, ngày 05/07/2023 thì lãi suất cho vay: 11,20%/năm; Lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm, Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Khoản vay thẻ tín dụng của bà Lý Thị Thúy N1 đối với thẻ tín dụng VISA và thẻ tín dụng JCB tổng hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000 đồng, quy định mức lãi suất trong hạn là 28%/năm.

- Khoản vay thẻ tín dụng của ông Thạch Thái N đối với thẻ tín dụng VISA và thẻ tín dụng JCB tổng hạn mức cấp tín dụng là 40.000.000 đồng, quy định mức lãi suất trong hạn là 28%/năm.

Xét thấy, mức lãi suất của các hợp đồng và thẻ tín dụng trên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo giao kết. Do đó, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong từng hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 phải có nghĩa vụ trả lãi theo giao kết trong các hợp đồng đến ngày 22/5/2025, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số HĐTD57D202300159, ngày 05/07/2023 tính đến ngày 22/5/2025 L trong hạn: 27.707.258 đồng; Lãi quá hạn còn phải trả: 73.574.795 đồng; Lãi chậm trả: 2.789.497 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số HDTD57D202200169, ngày 06/09/2022 số tiền giải ngân 600.000.000 đồng tính đến ngày 22/5/2025 Lãi trong hạn còn phải trả: 79.292.991 đồng; Lãi quá hạn còn phải trả: 44.346.756 đồng; Lãi chậm trả: 6.964.122 đồng và số tiền giải ngân 120.000.000 đồng tính đến ngày 22/5/2025 Lãi trong hạn còn phải trả: 14.787.852 đồng; Lãi quá hạn còn phải trả: 7.303.200 đồng; Lãi chậm trả: 1.157.816 đồng.

+ Khoản vay thẻ tín dụng của ông Thạch Thái N, ngày 26/07/2022 thẻ Visa tính đến ngày 22/5/2025 lãi trong hạn là 578.262 đồng, lãi quá hạn là 21.665.026 đồng.

+ Khoản vay thẻ tín dụng của ông Thạch Thái N, ngày 26/07/2022 thẻ JCB tính đến ngày 22/5/2025 lãi trong hạn là 351.759 đồng, lãi quá hạn là 2.316.154 đồng.

+ Khoản vay thẻ tín dụng của bà Lý Thị Thúy N1, ngày 03/10/2022 thẻ Visa tính đến ngày 22/5/2025 lãi trong hạn là 376.158 đồng, lãi quá hạn là 2.610.570 đồng.

+ Khoản vay thẻ tín dụng của bà Lý Thị Thúy N1, ngày 03/10/2022 thẻ JCB tính đến ngày 22/5/2025 lãi trong hạn là 782.545 đồng, lãi quá hạn là 24.156.755 đồng.

Tổng cộng tiền lãi của các khoản vay và thẻ tín dụng trên là 266.761.560 đồng, bao gồm lãi trong hạn 123.876.825 đồng, lãi quá hạn là 175.973.256 đồng, phạt chậm trả lãi là 10.911.435 đồng.

[4]. Như vậy, bị đơn ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng dư nợ của các hợp đồng và các thẻ tín dụng nêu trên đã ký kết tính đến ngày 22/5/2025 với tổng số tiền là 1.275.636.960 đồng, bao gồm tiền gốc là 964.875.444 đồng, lãi trong hạn là 123.876.825 đồng, lãi quá hạn là 175.973.256 đồng, phạt chậm trả lãi là 10.911.435 đồng. Kể từ ngày 23/5/2025, ông N và bà N1 còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn trên số dư nợ gốc, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong các Hợp đồng cấp tín dụng, bản các điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với ông N và bà N1 cho đến khi trả hết nợ.

[5]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo các hợp đồng tín dụng và các thẻ tín dụng đã giao kết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 thống nhất xác định việc có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HDTC57D202200169, ngày 06/9/2022 với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải (có mui) nhãn hiệu ChengLong theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83 000069 do Công an huyện L cấp ngày 10/8/2022, biển số đăng ký: 83H-011.59 cấp cho bà Lý Thị Thúy N1 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC57D202200122, ngày

21/6/2022; Hợp đồng sửa đổi bổ sung cho hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC57D202200122, ngày 21/6/2022. Với các tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1525, tờ bản đồ số 2, diện tích 190,3m^2; tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CU 031394, Số vào số cấp GCN: CS02208, cơ quan cấp: Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh S, cấp ngày 05/3/2020 cấp cho ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 và sau khi ký kết các hợp đồng thì các bên có đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật; mặt khác, xét về nội dung và hình thức của các hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Như vậy, đã đủ cơ sở khẳng định ông N và bà N1 đã tự nguyện dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1525, tờ bản đồ số 2, có diện tích 193,3m^2, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 031394, Số vào số cấp GCN: CS02208, cơ quan cấp: Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh S, cấp ngày 05/3/2020 cấp cho ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 đứng tên và 01 xe ô tô tải (có mui) nhãn hiệu ChengLong theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83 000069 do Công an huyện L cấp ngày 10/8/2022, biển số đăng ký: 83H-011.59 cấp cho bà Lý Thị Thúy N1 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông N và bà N1 theo các hợp đồng thế chấp nêu trên. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 299 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Đối với với ý kiến trình bày của ông N và bà N1 việc tài sản thế chấp là xe ô tô tải (loại có mui) nhãn hiệu ChengLong, biển kiểm soát 83H-011.59 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83 000069 do Công an huyện L cấp ngày 10/8/2022 do bà Lý Thị Thúy N1 đứng tên thì ông, bà đã sang bán vào năm 2023 cho H kinh doanh Lý Hậu G do ông Lý C là người đại diện và việc sang bán chỉ trên cơ sở thỏa thuận và lập giấy tay mua bán với nhau. Theo thỏa thuận thì sau khi mua xe, phía người mua là ông Lý C sẽ có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1 đối với khoản vay mua xe của ông N, bà N1. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định Ngân hàng hoàn toàn không biết gì việc ông N, bà N1 đã tự ý mang tài sản thế chấp là xe ô tô tải nêu trên sang bán cho người khác; việc thỏa thuận này nguyên đơn hoàn toàn không biết bởi ông N, bà N1 tự ý sang bán cho người khác mà chưa có sự đồng ý của Ngân hàng nên nguyên đơn hoàn toàn không đồng ý với thỏa thuận mua bán xe trên cũng như thỏa thuận việc ông Lý C sẽ thực hiện việc trả nợ vay cho Ngân hàng thay ông N, bà N1. Thấy rằng, việc ông N và bà N1 tự ý sang bán tài sản thế chấp là xe ô tô tải nêu trên cho người khác mà không thông báo cũng như chưa được sự đồng ý của nguyên đơn nên đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HDTC57D202200169, ngày 06/9/2022 đã giao kết, là người vi phạm nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xác định xe ô tô tải trên vẫn là tài sản phát mãi đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng trong trường hợp ông N, bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Ngoài ra, không xem xét đối với giao dịch mua bán giữa ông N, bà N1 với H kinh doanh Lý Hậu G do ông Lý C là người đại

diện. Trường hợp ông N, bà N1 phát sinh tranh chấp với H kinh doanh Lý Hậu G do ông Lý C thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[7]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 phải chịu 800.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền này nguyên đơn đã nộp xong nên ông N và bà N1 có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

[9]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 122, Điều 129, Điều 131, Điều 280, Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 này 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1: Buộc ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1 dư nợ tính đến ngày 22/5/2025 là 1.275.636.960 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi đồng), bao gồm:

+ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD57D202300159, ngày 05/07/2023, tính đến ngày 22/5/2025 là: 504.071.550 đồng (Năm trăm lẻ bốn triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi đồng). Trong đó: Tiền gốc còn phải trả: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); Lãi trong hạn: 27.707.258 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn hai trăm năm mươi tám đồng); Lãi quá hạn còn phải trả: 73.574.795 đồng (Bảy mươi ba triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng); Lãi chậm trả: 2.789.497 đồng (Hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng).

+ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HDTD57D202200169, ngày 06/09/2022 số tiền giải ngân 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), tính đến ngày 22/5/2025 số tiền còn nợ là 548.119.867 đồng (Năm trăm bốn mươi tám triệu một trăm mười chín nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó: Tiền gốc còn phải trả: 417.515.998 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu năm trăm mười lăm nghìn chín trăm chín mươi tám đồng); Lãi trong hạn còn phải trả: 79.292.991 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín mươi hai nghìn chín trăm chín mươi mốt đồng); Lãi quá hạn còn phải trả: 44.346.756 đồng (Bốn mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi sáu

nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng); Lãi chậm trả: 6.964.122 đồng (Sáu triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm hai mươi hai đồng) và số tiền giải ngân 120.000.000 đồng, tính đến ngày 22/5/2025 số tiền còn nợ là 106.160.824 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng). Trong đó: Tiền gốc còn phải trả: 82.911.956 đồng (T mươi hai triệu chín trăm mười một nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng); Lãi trong hạn còn phải trả: 14.787.852 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi hai đồng); Lãi quá hạn còn phải trả: 7.303.200 đồng (Bảy triệu ba trăm lẻ ba nghìn hai trăm đồng); Lãi chậm trả: 1.157.816 đồng (Một triệu một trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm mười sáu đồng);

+ Khoản vay thẻ tín dụng của ông Thạch Thái N, ngày 26/07/2022 thẻ Visa tính đến ngày 22/5/2025 là: 48.805.876 đồng. Trong đó tiền gốc là 26.562.588 đồng, lãi trong hạn là 578.262 đồng, lãi quá hạn là 21.665.026 đồng.

+ Khoản vay thẻ tín dụng của ông Thạch Thái N, ngày 26/07/2022 thẻ JCB tính đến ngày 22/5/2025 là: 5.997.624 đồng. Trong đó tiền gốc là 3.329.711 đồng, lãi trong hạn là 351.759 đồng, lãi quá hạn là 2.316.154 đồng.

+ Khoản vay thẻ tín dụng của bà Lý Thị Thúy N1, ngày 03/10/2022 thẻ Visa tính đến ngày 22/5/2025 là: 6.456.409 đồng. Trong đó tiền gốc là 3.469.681 đồng, lãi trong hạn là 376.158 đồng, lãi quá hạn là 2.610.570 đồng.

+ Khoản vay thẻ tín dụng của bà Lý Thị Thúy N1, ngày 03/10/2022 thẻ JCB tính đến ngày 22/5/2025 là: 56.024.809 đồng. Trong đó tiền gốc là 31.085.509 đồng, lãi trong hạn là 782.545 đồng, lãi quá hạn là 24.156.755 đồng.

Kể từ ngày 23/5/2025, ông N và bà N1 còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn trên số dư nợ gốc, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong các Hợp đồng cấp tín dụng, bản các điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1 với ông N và bà N1 cho đến khi trả hết nợ.

2. Trường hợp ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông N và bà N1 theo Hợp đồng thế chấp xe ôtô số HDTC57D202200169 ngày 06/9/2022 với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải (có mui) nhãn hiệu ChengLong theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83 000069 do Công an huyện L cấp ngày 10/8/2022, biển số đăng ký: 83H-011.59 cấp cho bà Lý Thị Thúy N1 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC57D202200122 ngày 21/6/2022; Hợp đồng sửa đổi bổ sung cho hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC57D202200122 ngày 21/6/2022 với các tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1525, tờ bản đồ số 2, diện tích 190,3m^2; tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CU 031394, Số vào số cấp GCN: CS02208, cơ quan cấp: Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh S, cấp ngày 05/3/2020 cấp cho ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông N và bà N1. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông N và bà N1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 phải chịu 50.269.109 đồng (Năm mươi triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn một trăm lẻ chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.686.500 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006747 ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Thạch Thái N và bà Lý Thị Thúy N1 phải chịu 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền này Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1 đã nộp xong nên ông ông N và bà N1 có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L1.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. TTr,KT&THA);
- Lưu (HS, VP).

Lê Hoàng Bảo